

CHÍNH SÁCH KHAI THÁC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở NAM KỲ TỪ 1874 ĐẾN 1914

Ths. Phạm Thúc Sơn*

Sv. Nguyễn Đình Tùng**

Thương mại là một ngành có vị trí và vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường của hầu hết các quốc gia, là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển. Do đó, trước khi xâm lược Việt Nam, tư bản Pháp đã đặt ra mục tiêu là xâm lược Việt Nam để mở ra thị trường tiêu thụ hàng hoá.

Nam Kỳ là vùng đất giao lưu, hội nhập phát triển nền kinh tế hàng hoá. Vì vậy, ngay từ khi mới chiếm được 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ tư bản Pháp đã nhanh chóng mở mang thương mại để vơ vét lúa gạo mang về chính quốc và xuất cảng sang nhiều nước khác. Sự mở mang đó càng được đẩy mạnh hơn khi thực dân Pháp hoàn toàn đặt ách thống trị của mình tại thuộc địa Việt Nam. Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer nhiệm kỳ 1897 – 1902 đã nói thẳng dã tâm của thực dân Pháp đối với thuộc địa Việt Nam là: “dứt khoát coi Việt Nam là một địa Thương mại”. Chính sách thương mại của thực dân Pháp đã được tiến hành ở Nam Kỳ để biến nơi đây trở thành trọng điểm của chính sách thực dân và cũng là trọng điểm của việc biến Việt Nam thành thị trường siêu lợi nhuận của thực dân Pháp.

Chính sách khai thác về thương mại của Pháp ở Nam Kỳ từ năm 1874 đến 1914 được chia thành ba giai đoạn cụ thể như sau¹:

1. Giai đoạn 1874 đến 1888

Trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nền kinh tế nước ta là một nền kinh tế lạc hậu. Nội thương phát triển chậm, ngoại thương kém phát triển cả về quy mô, mặt hàng lẫn thị trường. Xuất khẩu của nước ta chủ yếu là khoáng sản và nông phẩm.

Năm 1874, hiệp ước Giáp Tuất được ký kết tại Sài Gòn, gồm 22 điều khoản với nhiều nội dung. Trong những nội dung đó, có nội dung quy định triều Nguyễn không được tự ý ký kết các hiệp ước thương mại với bất kỳ quốc gia nào khác nếu chưa có sự đồng ý của chính phủ Pháp. Với nội dung này chứng tỏ người Pháp rất muốn độc quyền thương mại tại Việt Nam.

Để độc quyền thương mại tư bản Pháp phải cạnh tranh quyết liệt với thương nhân người Đức, người Anh, người Ấn, người bản xứ và đặc biệt là người Hoa Kiều. Hàng hoá của Pháp không đủ sức cạnh tranh với hàng hoá của Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam

*Ths. Phạm Thúc Sơn, Khoa Sử, Đại học Thủ Dầu Một, Mail: phamthucson@gmail.com

**SV. Nguyễn Đình Tùng, Lớp D12LS02, Khoa Sử, Đại học Thủ Dầu Một.

¹ Các giai đoạn trong bài viết do tác giả căn cứ vào các cứ liệu tự đặt.

Á vì giá hàng hoá của các nước này thấp hơn giá hàng hoá của Pháp do sử dụng nguồn nhân công bản xứ giá rẻ và không tốn tiền vận chuyển như Pháp. Bên cạnh đó người Hoa Kiều còn kiểm soát các chợ quy mô lớn. Một người Pháp tên là Dutreuil de Rhins đã viết năm 1876 rằng: “*Nhân tố Hoa Kiều tuy ít nhưng đã chiếm được các thương nghiệp lớn lao*” [1; 214]. Về số các nhà buôn lớn ở châu Âu có mặt ở Nam Kỳ thì nhà buôn người Pháp còn thua xa nhà buôn người Anh, người Đức, người Hoa. Điều này chứng tỏ thế lực kinh tế của Pháp ở thuộc địa Nam Kỳ giai đoạn này chưa mạnh bằng các nước tư bản khác.

Từ năm 1887, tư bản Pháp sử dụng chính sách thuế quan trong thương mại. Do đó, hàng hoá của Pháp khi nhập vào Việt Nam chỉ phải đóng thuế 2,5% giá trị sản phẩm, còn hàng hoá của các nước khác khi nhập vào Việt Nam phải đóng tới 5% giá trị sản phẩm. Ngoài thuế đánh vào hàng hoá của các thương nhân nước khác, tư bản Pháp còn đưa ra các loại thuế rất vô lý. Mỗi khi Bắc Kỳ bị thiên tai phải đưa gạo từ Nam kỳ ra thì thực dân Pháp đánh thuế số gạo đó như gạo nhập từ Hương cảng đến. Khi Bắc Kỳ thiếu đói, chúng vẫn ra sức vơ vét gạo ở Bắc Kỳ mang đi xuất cảng, rồi lại đưa gạo ở Nam Kỳ ra để đánh thuế vô lý như trên.

Đề vơ vét, xuất cảng được nhiều lúa gạo, tư bản Pháp tích cực cướp đoạt ruộng đất và cần tạo ra tầng lớp thương nhân tư sản Nam Kỳ. Do đó, một mặt họ cướp đất, một mặt họ lôi cuốn tầng lớp địa chủ phong kiến Nam Kỳ vào guồng máy thương mại, từ đó hình thành nên tầng lớp thương nhân tư sản Nam Kỳ từ rất sớm và rất đông ở Sài Gòn. Tư bản Pháp cấu kết với thương nhân tư sản Nam Kỳ mua lúa gạo của dân ta với giá rẻ để xuất cảng được nhiều và thu lợi nhuận cao. Năm 1880, xuất cảng được 284.000 tấn. Năm 1882, nguồn thu từ xuất khẩu lúa gạo của tư bản Pháp là 1.300.605,73\$. Năm 1884, thu nhập giảm còn 1.263.322,61\$.

Bên cạnh xuất khẩu gạo, tư bản Pháp còn tìm cách độc quyền nước mắm để xuất khẩu lấy lời. Nghề muối và nước mắm là nghề nuôi sống hàng chục vạn dân ta ở ven biển. Dân ta làm muối, nước mắm bán lại cho thương Hoa Kiều xuất cảng qua Trung Quốc. Pháp đánh thuế muối cao nên nghề làm muối suy giảm. Từ 1880, Thực dân Pháp đã rất quan tâm đến nghề làm nước mắm ở Hà Tiên vì họ xem nơi đây là trung tâm làm nước mắm của toàn Nam Kỳ.

Từ năm 1881, tư bản Pháp ban hành Nghị định về độc quyền buôn bán thuốc phiện tại Nam Kỳ. Từ năm 1882 đến 1885, ngân sách Nam Kỳ đã thu được một khoản thu nhập rất lớn:

Năm	Tổng thu nhập
-----	---------------

1882	1.355.657,89\$
1883	1.627.736,08\$
1884	1.802.319,45\$
1885	1.868.222,18\$

Nguồn: Nguyễn Phan Quang, độc quyền thuốc phiện ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX

Với mức thu nhập trên thấy được nguồn thu từ thuốc phiện đã tăng rất nhanh. Năm 1885 đã tăng tới 37,8% so với năm 1882. Điều đó đã bộc lộ rõ mục đích chính sách độc quyền về thuốc phiện của tư bản Pháp là để bóc lột và đầu độc nhân dân bản xứ.

Trong độc quyền thương mại, tư bản Pháp rất ưu đãi thương nhân người Hoa do thương nhân Pháp mới đến Việt Nam, trong khi đó, thương nhân người Hoa đã có kinh nghiệm buôn bán ở thị trường Việt Nam từ lâu. Do đó, tư bản Pháp cho phép thương nhân người Hoa thu mua lúa ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, cho lập nhà máy xay lúa gạo, cho mở các loại cửa hàng độc quyền, cho công khai mở cả tiệm thuốc phiện, mở sòng bài và nhà chứa. Tuy nhiên, tư bản Pháp cũng sử dụng những thương nhân người Hoa này vào việc tiêu thụ hàng hoá của họ. Thương nhân người Hoa phải mua lại hàng hoá của Pháp để bán lại cho người Việt Nam với giá cao hơn. Tư bản Pháp cấu kết với thương nhân người Hoa độc quyền thu mua các mặt hàng mỹ nghệ như sơn mài, thêu, đan lát, chạm khắc với giá rẻ để mang đi xuất cảng với giá đắt. Ngoài ra, tư bản Pháp còn đưa hàng dệt ở nước ngoài vào Việt Nam nhằm kìm hãm sự phát triển của ngành dệt thủ công Việt Nam. Đến đây, thấy rõ chính sách của người Pháp là vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với thương nhân người Hoa để từng bước chiếm được thị trường Nam Kỳ.

Trong thời kỳ từ năm 1884 đến năm 1888, ở Nam Kỳ việc nhập cảng cao hơn xuất cảng. Diễn hình như: “năm 1886, nhập cảng 55 triệu rưỡi quan, xuất cảng 45 triệu quan” [5; 525]. Điều này chứng tỏ là nhân dân ta bị bóc lột nặng lên, bán ra với giá rẻ, mua vào với giá đắt.

Để tăng cường hoạt động thương mại của mình, tư bản Pháp đã lập ra các công ty và các tuyến đường bộ, đường sắt. Năm 1881, công ty đường sông Nam Kỳ được thành lập, trụ sở đặt tại Sài Gòn. Đối với hoạt động thương mại: công ty này ra đời nhằm vận chuyển đường thủy và tham gia mọi hoạt động thương mại. Vốn đầu tư: “năm 1881 là 1,5 triệu frăng, gồm 3 nghìn cổ phần, mỗi cổ phần 500 frăng. Năm 1907 là 2 triệu frăng, gồm 20 nghìn cổ phần, mỗi cổ phần 100 frăng”[9; 117]. Năm 1887, công ty Mácxây hải ngoại được thành lập. Mácxây hải xuất hiện đã tạo đà cho các hoạt động ngoại thương tiếp theo của người Pháp có bước phát triển mới, đồng thời, nó đánh dấu thế lực ngoại

thương của tư bản Pháp tại Việt Nam. Đặc biệt, thực dân Pháp đã xây dựng tuyến đường xe lửa Sài Gòn – Mỹ Tho năm 1881. Đánh dấu sự xuất hiện của đường sắt tại Nam Kỳ nói riêng và toàn Việt Nam nói chung.

Nhìn chung, sự xuất hiện của tư bản Pháp ở Nam Kỳ đã làm cho nền thương mại, đặc biệt là ngoại thương ở Nam Kỳ phát triển hơn thời kì phong kiến rất nhiều. Nó không những chỉ phát triển các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu mà còn mở rộng quy mô, thị trường buôn bán. Tuy nhiên, với những chính sách về thương mại của tư bản Pháp đã kìm hãm sự phát triển của các ngành nghề thủ công. Đồng thời, nó làm mất đi quyền tự do giao lưu, buôn bán của người dân Nam Kỳ.

2. Giai đoạn 1888 đến 1897

Thương mại của Pháp ở Nam Kỳ trong giai đoạn này phát triển hơn giai đoạn trước rất nhiều. Để độc quyền thương mại tư bản Pháp đã chú trọng khai thác nhiều hơn ở các ngành nghề. Đồng thời, tư bản Pháp ban hành thêm những chính sách để ngăn cản sự phát triển và bóp chết các mặt hàng của các nước khác để hàng hoá của họ độc quyền phát triển.

Để cạnh tranh với hàng hoá của các nước khác, tư bản Pháp tiếp tục sử dụng chính sách thuế quan để bảo hộ thương mại, ban hành các đạo luật về thương mại năm 1887 và 1892, xem “Đông Dương là thuộc địa đồng hoá” trong thương mại. Năm 1887, họ ép hàng của các nước khác khi vào Nam Kỳ phải đóng 5% giá trị hàng hoá, còn hàng của Pháp chỉ đóng 2,5% giá trị hàng hoá. Năm 1892, tư bản Pháp ra thêm một đạo luật mới gọi là “đồng hoá thuế quan”. Luật này cho phép hàng của Pháp khi nhập vào Nam Kỳ hoàn toàn được miễn thuế, còn hàng của các nước khác muốn nhập vào thì bị đánh thuế rất cao từ 25% đến 120% giá trị hàng hoá. Với đạo luật này, hàng hoá của Pháp được tự do tràn vào Nam Kỳ. Năm 1896, *Hãng xuất khẩu thuộc địa* đã được thành lập nhằm tăng cường hoạt động ở khu vực này.

Trong xuất khẩu lúa gạo, tư bản Pháp cấu kết với địa chủ Nam Kỳ mua rẻ lúa gạo của dân ta. Địa chủ Nam Kỳ thu địa tô và mua lúa gạo của nông dân ở thị trường rồi bán lại cho tư bản Pháp. Trong số các mặt hàng mà tư bản Pháp đưa về chính quốc thì gạo được tư bản Pháp mua nhiều nhất. Năm 1892, “trong số 80 triệu rưỡi xuất cảng thì phần lúa gạo đã chiếm tới 75 triệu rồi” [5; 660]. Trong lĩnh vực cho vay nặng lãi, tư bản Pháp cũng thông qua địa chủ, kẻ có nhiều tài sản ở Nam Kỳ, địa chủ lấy vốn của tư bản Pháp đưa cho nông dân vay lãi rất nặng. Với những chính sách như vậy, người nông dân Nam Kỳ bị tư bản Pháp và địa chủ bóc lột: thuế má, địa tô, nợ lãi, thương mại ngày một tăng.

Nghề trồng dâu được trồng phổ biến ở Nam Kỳ. Hầu hết các gia đình đều trồng dâu để nuôi tằm. Tuy nhiên, xuất khẩu tơ tằm Nam Kỳ trong giai đoạn này bị sút kém: “*Năm*

1891, trị giá tơ tằm xuất khẩu sang Pháp là 707.000 frăng, nhưng năm 1892 chỉ còn 88.000 frăng và năm 1893 thì tụt xuống 26.000 frăng” [11; 87].

Nghề làm chài lưới và nước mắm ở Hà Tiên trong giai đoạn này được tư bản Pháp chú trọng hơn giai đoạn trước. Theo *Monographie de la province de Hà Tiên*: “Nghề chài lưới ở Phú Quốc đặc biệt quan trọng vì liên quan đến nghề làm nước mắm, mắm ruốc và vài loại mắm khác. Nước mắm Phú Quốc sản xuất tập trung ở Đông Dương, vừa là lý sở của tổng Phú Quốc, vừa là trung tâm kỹ nghệ nước mắm của toàn Nam Kỳ” [11; 86]. Tư bản Pháp, đề ra nhiều quy định vô lý về nghề làm nước mắm Phú Quốc, Pháp lấy có đảm bảo chất lượng nước mắm theo tiêu chuẩn kỹ nghệ hiện đại, ép dân ta bán nước mắm giá rẻ cho Pháp, để pháp mang đi tiêu thụ lấy lời.

Trong độc quyền muối, rượu và thuốc phiện, tư bản Pháp xây dựng nhiều cơ sở kinh doanh để kiếm lời. Liên minh Pháp - Vatican hợp tác với nhau để tìm cách độc quyền phân phối muối. Cuối thế kỷ XIX, Pháp - Vatican hợp tác nhập cảng một số lượng thuốc phiện vào Đông Dương, biến nơi đây thành nơi tiêu thụ thuốc phiện hàng đầu của Pháp.

Từ năm 1890, tư bản Pháp bắt đầu kinh doanh cao su ở Nam Kỳ. Cao su Nam Kỳ được mua chủ yếu ở các vùng Thượng Lào, Tây Nam, Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ. Tư bản Pháp dùng các loại hàng như thuốc phiện, muối, vải, diêm,... để đổi lấy cao su mang đi xuất cảng. Bên cạnh đó, tư bản Pháp còn cấu kết với các nhà buôn thu thuế bằng cao su thay cho tiền để có được nhiều cao su hơn. Tuy nhiên, việc thu mua cao su để xuất cảng còn rất ít. Năm 1898, xuất cảng chỉ được 9 tấn cao su.

3. Giai đoạn 1897 đến 1914

Trong giai đoạn này chính sách độc quyền khai thác về thương mại được tư bản Pháp thực thi hà khắc. Một trong những chính sách hà khắc của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) là chính sách độc quyền rượu, muối và thuốc phiện.

Với nghị định ngày 20-12-1902, quy định về chế độ độc quyền nấu, cất và bán rượu trên toàn Đông Dương thì những công ty hay hộ gia đình đang làm nghề buôn bán rượu trên toàn Đông Dương nói chung, ở Nam Kỳ nói riêng phải chịu sự quản lý của tư bản Pháp trong buôn bán rượu. Công ty hay cá nhân muốn được buôn bán rượu thì phải có sự đồng ý của Sở Thương chính và độc quyền, bán rượu mà không có giấy phép hoặc không đúng quy định của Sở Thương chính thì bị phạt tiền từ 200 frăng đến 2.000 frăng và cũng có thể bị giam từ 8 ngày đến 1 năm. Ngoài ra, nếu có giấy phép bán rượu hay giấy vận chuyển rượu mà người bán, vận chuyển rượu không đúng nồng độ do Sở Thương chính quy định thì bị Sở tịch thu số hàng đó và bị phạt thêm 100 frăng đến 500

frăng. Ngày 22-12-1902, toàn quyền Đông Dương ban hành thêm một nghị định cho phép thành lập các đại lý buôn bán rượu.

Nghị định ngày 8-11-1904, quy định chính sách độc quyền bán muối ở Đông Dương. Áp dụng nghị định này ở Nam Kỳ những người làm nghề buôn bán muối không được tự do buôn bán nữa, ai buôn bán muối lậu sẽ bị phạt tiền từ 50 frăng đến 2.000 frăng và toàn bộ số muối, dụng cụ liên quan đến buôn bán, chuyên chở muối sẽ bị Sở tịch thu hết. Nếu người dân đã bị bắt một lần mà còn vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 2.000 frăng trở lên và bị giam ít nhất là 1 tháng. Bên cạnh đó, Sở Thương chính ép dân ta phải bán toàn bộ muối sản xuất được cho chúng với giá rất rẻ và lập ra các cửa hàng bán muối bán lại cho dân với giá cao hơn gấp nhiều lần giá chúng mua vào.

Tại Biên Hoà và Bà Rịa, tư bản Pháp độc quyền mua bán muối. Để kiểm soát một cách cẩn thận, tư bản Pháp tập trung muối sản xuất được vào một kho muối ở Long Điền. Tư bản Pháp ép người làm muối ở đây phải bán muối cho chúng với giá rất rẻ và mua lại để bán cho những nhà không có muối hoặc mang đi xuất cảng kiếm lời. Vì vậy, nhiều người làm nghề muối ở Biên Hoà, Bà Rịa bị thu hẹp sản xuất, thậm chí bị phá sản vì sự chiếm giữ độc quyền mua bán của tư bản Pháp.

Về thuốc phiện, Paul Doumer đã cho tiến hành hàng loạt các cải cách. Doumer cho Sở Độc quyền Thuốc phiện mua thuốc phiện ở Trung Hoa với giá rẻ để bán lại cho những người dân không đủ tiền mua thuốc nhập cảng ở Ấn Độ qua. Tư bản Pháp mở thêm các tiệm bán lẻ và các tiệm hút thuốc để tăng cường nhu cầu tiêu dùng của người hút thuốc phiện. Do đó, việc buôn bán thuốc phiện ở Nam Kỳ phát triển thịnh đạt. Ngày 19-7-1908, toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định cấm Đông Dương xuất cảng thuốc phiện sang thị trường Trung Hoa. Ngày 26-9-1908, toàn quyền Đông Dương tiếp tục ban hành nghị định cấm thị trường Nam Kỳ nhập cảng thuốc phiện của Vân Nam.

Trong thương nghiệp, xuất cảng lúa gạo vẫn được ưu tiên hàng đầu. Để gia tăng số lượng gạo Paul Doumer cho xây dựng nhiều kênh đào và khai phá nhiều vùng đất hoang để trồng lúa xuất cảng. Kênh Xà No là một trong những công trình thủy nông lớn nhất của Nam Kỳ được xây dựng năm 1901 và xây dựng xong năm 1903, kéo dài từ Cần Thơ đến Rạch Giá. Bên cạnh sự xuất hiện của kênh Xà No là sự xuất hiện của các chợ gạo và nhiều kênh đào khác ở Tây Nam Kỳ, làm cho việc xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kỳ tăng lên rất nhiều. Từ năm 1910, lượng gạo xuất khẩu tăng lên hơn 1 triệu tấn trên 1 năm. Tại Hậu Giang đã xuất hiện các trung tâm buôn bán, xay xát lúa gạo xuất cảng như ở Vị Thanh, Bảy Ngàn, Cái Răng...

Nghề dệt là nghề nuôi sống nhiều hộ dân ở Nam Kỳ, vậy mà, tư bản Pháp tiếp tục cho nhập vào Nam Kỳ nhiều vải, lụa làm cho nghề dệt ở Nam Kỳ ngày càng điêu đứng, hàng dệt không phát triển được. Với chính sách cho phép người dân Nam Kỳ trồng dâu

để nuôi tằm được miễn thuế thì hàng dệt mặc dù bị điều đứng, song các ngành sản xuất và nguyên liệu dệt vẫn phát triển. Do đó, trong giai đoạn này, số lượng tơ lụa ở Nam Kỳ được tư bản Pháp xuất cảng chủ yếu là nguyên liệu cho ngành dệt.

Nghị định thành lập nghiệp đoàn Nam Kỳ được ban hành tháng 7 năm 1908 đã có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thương mại ở Nam Kỳ. Những người cùng làm nghề như nhau, hoặc tương tự như nhau có thể lập nghiệp đoàn nếu làm đơn xin phép Thống đốc Nam Kỳ và nộp thêm một đơn ghi rõ: “*tên nghiệp đoàn, tên, tuổi, chức vụ của những người được dự kiến đưa vào ban lãnh đạo nghiệp đoàn*” [9; 313]. Tuy nhiên, nghị định về thành lập nghiệp đoàn Nam Kỳ chỉ áp dụng cho người dân ở Nam Kỳ, người Nước ngoài và người Việt ở nơi khác đến Nam Kỳ buôn bán đều không được tham gia.

Để tăng cường các hoạt động thương mại, tư bản Pháp lập ra công ty thương mại và vận chuyển đường thuỷ Viễn Đông năm 1909. Trụ sở được đặt tại Sài Gòn. Vốn đầu tư: “*năm 1909 có 2.000.000 frăng (gồm 8.000 cổ phần, 250 frăng). Năm 1911, 3.000.000 frăng. Năm 1913, 4.000.000 frăng*” [9; 323]. Như vậy, vốn đầu tư của công ty ngày một tăng, tiền lời của công ty ngày một lớn. Công ty xuất hiện đã tăng cường các hoạt động thương mại của Pháp tại Nam Kỳ

KẾT LUẬN

Chính sách khai thác về kinh tế thương mại của tư bản Pháp qua các giai đoạn đã mang lại nguồn thu ngày càng lớn cho chính quyền thực dân. Những chính sách khai thác độc quyền tàn nhẫn, thâm độc của tư bản Pháp đã làm cho cuộc sống của người dân Nam Kỳ ngày càng khốn đốn, nguồn tài nguyên thuộc địa ngày càng xơ xác, kiệt quệ. Tư bản Pháp phát triển các ngành công nghiệp bông, sợi, vải đã bóp chết các ngành dệt thủ công ở Nam Kỳ. Đối với các mặt hàng mỹ nghệ có giá trị cao được tạo ra từ bàn tay khéo léo của người thợ thủ công Nam Kỳ thì bị người Pháp cấu kết với người Hoa Kiều độc quyền thu mua với giá rẻ để xuất cảng thu lợi nhuận cao. Trong độc quyền thương mại, tư bản Pháp sử dụng chính sách thuế quan và đồng hoá thuế quan để cạnh tranh với thương nhân của nước khác. Theo những chính sách này hàng hoá của Pháp được ưu tiên còn hàng hoá của các nước khác bị đánh thuế rất nặng. Do đó, hàng hoá của Pháp nhanh chóng chi phối thị trường Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thế Anh (2008), *kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*. NXB. Văn học.
2. Nguyễn Thế Anh (2008), *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, NXB. Văn học.

3. Nguyễn Công Bình (2008), *Đời sống xã hội ở vùng Đông Nam Bộ*, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Trí Dĩnh – Phạm Thị Quý (2010), *giáo trình lịch sử kinh tế*, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Trần Văn Giàu (2001), *Chống xâm lăng*. NXB. Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Văn Khánh (1999), *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Đinh Xuân Lâm (cb) – Nguyễn Văn Khánh – Nguyễn Đình Lễ (2000), *đại cương lịch sử Việt Nam – tập II*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Quang Ngọc (2013), *tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB. Giáo dục.
9. Dương Kinh Quốc (1999), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 – 1918)*, NXB. Giáo dục.
10. Nguyễn Phan Quang, *độc quyền thuốc phiện ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX*, tạp chí xưa và nay – Số 55B, tr. 69 – 71.
11. Nguyễn Phan Quang, *thêm một số tư liệu về nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ thời Pháp thuộc (1867 -1945)*, NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh – Số 3, tr. 81 – 90.
12. Nguyễn Phan Quang (2004), *thị trường lúa gạo Nam Kỳ (1860 – 1945)*, NXB. Tp. Hồ Chí Minh.